



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5700434869

ngày 10 tháng 6 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700434869 ngày 10 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Nam Thắng	Chủ tịch
Ông Lê Duy Hạnh	Thành viên
Ông Lê Văn Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên
Ông Đặng Huy Vũ	Thành viên
Ông Phùng Văn Sinh	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Văn Hạnh	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2016)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban (từ ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Anh Văn	Trưởng ban (đến ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Huỳnh Văn Khánh	Thành viên
Ông Phạm Việt Cường	Thành viên
Ông Ngô Văn Điện	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoàng Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Duy Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Sinh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Tạo	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tổ 33, Khu 5, Phường Hà Khánh
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Lê Duy Hạnh
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, 10 -03- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính. Trong năm 2015, Công ty đã áp dụng Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo đó, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 4 năm, từ năm 2016 đến năm 2019. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2016 do Công ty ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá 515.758.518.279 VND phát sinh từ việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, mặc dù tại ngày phát hành báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty chưa nhận được Công văn 2239.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-093-2016-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 10 -03- 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		1.986.981.682.402	1.776.615.307.919
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	300.616.744.710	69.885.900.738
Tiền	111		300.616.744.710	69.885.900.738
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.398.537.811.472	1.474.811.638.255
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.373.891.295.171	1.404.717.358.790
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.323.288.657	68.419.501.518
Phải thu ngắn hạn khác	136		22.323.227.644	1.674.827.947
Hàng tồn kho	140	6	287.827.126.220	231.917.718.926
Hàng tồn kho	141		287.827.126.220	231.917.718.926
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		13.472.321.461.023	15.411.220.058.417
Tài sản cố định	220		13.371.367.597.968	15.309.798.503.035
Tài sản cố định hữu hình	221	7	13.369.047.767.249	15.308.542.205.287
Nguyên giá	222		21.422.360.929.663	21.409.689.159.396
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.053.313.162.414)	(6.101.146.954.109)
Tài sản cố định vô hình	227		2.319.830.719	1.256.297.748
Nguyên giá	228		4.075.908.153	2.342.493.937
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.756.077.434)	(1.086.196.189)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.396.184.463	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.396.184.463	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		93.557.678.592	96.421.555.382
Chi phí trả trước dài hạn	261		54.200.000	23.787.448.685
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		93.503.478.592	72.634.106.697
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.459.303.143.425	17.187.835.366.336

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.585.941.375.300	14.810.151.943.539
Nợ ngắn hạn	310		3.299.488.972.500	3.698.600.818.418
Phải trả người bán ngắn hạn	311	8	999.568.334.336	1.349.898.077.786
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		308.461.927	173.018.950
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	31.261.022.247	28.151.466.649
Phải trả người lao động	314		76.767.152.045	38.189.867.141
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	176.933.416.311	203.088.346.465
Phải trả ngắn hạn khác	319		13.106.196.435	3.552.247.634
Vay ngắn hạn	320	11(a)	1.965.751.454.778	2.072.167.459.397
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		33.176.933.019	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.616.001.402	3.380.334.396
Nợ dài hạn	330		9.286.452.402.800	11.111.551.125.121
Vay dài hạn	338	11(b)	9.286.452.402.800	11.111.551.125.121
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.873.361.768.125	2.377.683.422.797
Vốn chủ sở hữu	410	12	2.873.361.768.125	2.377.683.422.797
Vốn chủ sở hữu	411	13	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		230.890.628.441	230.890.628.441
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(386.700.000.000)	(515.758.518.279)
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.696.830.922	12.696.830.922
Lỗ lũy kế	421		(1.483.525.691.238)	(1.850.145.518.287)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.850.145.518.287)	(529.305.240.886)
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		366.619.827.049	(1.320.840.277.401)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.459.303.143.425	17.187.835.366.336

10 -03- 2017

Người lập:



Trần Thị Thúy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
Trưởng phòng TCKT



Lê Duy Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	15	8.738.013.764.956	7.703.174.780.243
Giá vốn hàng bán	11	16	7.286.591.053.887	6.660.106.688.132
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.451.422.711.069	1.043.068.092.111
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	15.437.308.035	102.633.162.211
Chi phí tài chính	22	18	1.014.467.101.833	2.370.032.064.573
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		774.943.815.601	894.261.132.533
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	67.948.989.185	101.351.251.976
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		384.443.928.086	(1.325.682.062.227)
Thu nhập khác	31		2.154.379.938	5.366.468.633
Chi phí khác	32		19.978.480.975	524.683.807
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.824.101.037)	4.841.784.826
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		366.619.827.049	(1.320.840.277.401)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		366.619.827.049	(1.320.840.277.401)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	815	(2.935)

10 -03- 2017

Người lập:



Trần Thị Thúy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
Trưởng phòng TCKT




Lê Duy Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		366.619.827.049	(1.320.840.277.401)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.954.219.475.989	1.950.837.619.053
Các khoản dự phòng	03		33.176.933.019	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		110.697.966.905	116.652.579.593
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		1.517.322.237	(2.664.093.055)
Chi phí lãi vay	06		774.943.815.601	894.261.132.533
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	07		129.058.518.279	1.260.464.144.828
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.370.233.859.079	2.898.711.105.551
Biến động các khoản phải thu	09		97.321.574.991	(598.316.977.483)
Biến động hàng tồn kho	10		(76.778.779.189)	(39.382.089.854)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(310.499.293.640)	128.417.823.509
Biến động chi phí trả trước	12		23.733.248.685	(11.597.368.672)
			3.104.010.609.926	2.377.832.493.051
Tiền lãi vay đã trả	14		(798.358.538.495)	(914.161.812.764)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(764.332.994)	(1.789.348.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.304.887.738.437	1.461.881.331.403
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(41.094.231.231)	(29.615.384.797)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		278.818.182	293.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.026.042.777	2.836.458.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.789.370.272)	(26.485.925.807)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		40.799.935.204	1.838.524.624.319
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.077.167.459.397)	(3.521.746.646.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.036.367.524.193)	(1.683.222.022.173)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		230.730.843.972	(247.826.616.577)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		69.885.900.738	317.712.517.315
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	300.616.744.710	69.885.900.738

10 -03- 2017

Người lập:



Trần Thị Thúy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
Trưởng phòng TCKT



Lê Duy Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán buôn chuyên doanh khác;
- Đại lý du lịch; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 927 nhân viên (1/1/2016: 940 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.312.507 triệu VND (1/1/2016: 1.921.986 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể phải trả trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 11(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày ở Thuyết minh 3(a)(ii), các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã áp dụng Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo đó, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 4 năm, từ năm 2016 đến năm 2019. Quy định trên có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng 129.058.518.279 VND, số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong mục “Vốn chủ sở hữu” và “Lỗ lũy kế” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 386.700.000.000 VND (1/1/2016: 515.758.518.279 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hướng dẫn tại Công văn 3003 và Công văn 2239 và phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm (từ năm 2016 – 2019) và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt so với việc áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo ước tính của Ban Tổng Giám đốc theo các quy định hiện hành. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và nguyên giá tài sản cố định thay đổi thì xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm
▪ các tài sản khác	4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền lưu hành trong năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, truyền tải và phân phối điện, và một khu vực địa lý là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	216.227.053	473.455.485
Tiền gửi ngân hàng	300.400.517.657	69.412.445.253
	<hr/>	<hr/>
	300.616.744.710	69.885.900.738

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các công ty liên quan**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán Điện	1.373.647.853.507	1.402.879.793.898
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Điện Miền Bắc	-	144.879.000
Các bên thứ ba		
Khách hàng khác	243.441.664	1.692.685.892
	1.373.891.295.171	1.404.717.358.790

Khoản phải thu thương mại từ Công ty Mua bán Điện không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 23 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	286.402.809.576	-	230.444.701.732	-
Công cụ và dụng cụ	1.424.316.644	-	1.473.017.194	-
	287.827.126.220	-	231.917.718.926	-

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Các tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.337.403.699.847	15.893.782.598.478	1.174.375.912.448	3.197.531.735	929.416.888	21.409.689.159.396
Tăng trong năm	17.168.936.861	9.230.893.702	8.478.330.834	2.086.471.155	-	36.964.632.552
Giảm do quyết toán công trình	(22.592.032.952)	-	-	-	-	(22.592.032.952)
Thanh lý	-	-	(1.700.829.333)	-	-	(1.700.829.333)
Số dư cuối năm	4.331.980.603.756	15.903.013.492.180	1.181.153.413.949	5.284.002.890	929.416.888	21.422.360.929.663
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	754.277.992.161	4.955.631.093.752	388.998.423.786	1.322.493.322	916.951.088	6.101.146.954.109
Khấu hao trong năm	225.434.793.508	1.608.669.298.305	118.601.420.602	831.616.529	12.465.800	1.953.549.594.744
Thanh lý	-	-	(1.383.386.439)	-	-	(1.383.386.439)
Số dư cuối năm	979.712.785.669	6.564.300.392.057	506.216.457.949	2.154.109.851	929.416.888	8.053.313.162.414
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.583.125.707.686	10.938.151.504.726	785.377.488.662	1.875.038.413	12.465.800	15.308.542.205.287
Số dư cuối năm	3.352.267.818.087	9.338.713.100.123	674.936.956.000	3.129.893.039	-	13.369.047.767.249

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 3.687 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 4.042 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 11).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định tạm tăng chờ quyết toán đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán có giá trị khoảng 20.819.611 triệu VND (1/1/2016: 20.965.165 triệu VND). Giá trị của các tài sản này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết toán cuối cùng giữa Công ty với các nhà thầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các công ty liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	15.821.567.608
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	2.264.975.922	12.447.059.149
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	2.805.276.243	2.061.375.282
Công ty Truyền tải Điện 1	1.775.282.112	1.715.782.627
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc	130.410.223	-
Các bên thứ ba		
Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam	296.853.997.720	363.177.780.168
Tổng Công ty Đông Bắc	116.634.089.989	290.352.822.022
Tập đoàn Điện khí Thượng Hải – SEC	556.507.733.461	623.465.736.996
Các nhà cung cấp khác	22.596.568.666	40.855.953.934
	999.568.334.336	1.349.898.077.786

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết.

- (*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định về khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(d).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	27.188.713.300	874.177.889.197	(870.270.580.250)	31.096.022.247
Thuế thu nhập cá nhân	5.038.209	754.104.763	(594.142.972)	165.000.000
Thuế nhà đất	957.715.140	256.142.696	(1.213.857.836)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí	-	145.908.000	(145.908.000)	-
	28.151.466.649	875.337.044.656	(872.227.489.058)	31.261.022.247

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	168.731.297.336	199.843.691.279
Chi phí khác	8.202.118.975	3.244.655.186
	176.933.416.311	203.088.346.465

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**11. Các khoản vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Biến động trong năm			31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	
Vay ngắn hạn	161.373.699.384	-	(161.373.699.384)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	1.910.793.760.013	1.951.993.760.019	(1.915.793.760.013)	18.757.694.759	1.965.751.454.778
	2.072.167.459.397	1.951.993.760.019	(2.077.167.459.397)	18.757.694.759	1.965.751.454.778

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định về khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(d).

(b) Vay dài hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Biến động trong năm			31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	
Vay dài hạn	11.111.551.125.121	40.799.935.204	(1.951.993.760.019)	86.095.102.494	9.286.452.402.800

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định về khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(d).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Quảng Ninh 1	(1)	USD	5,1	2021	4.340.302.528.064	5.246.621.856.080
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Quảng Ninh 2	(2)	USD	5,3	2023	5.218.078.469.474	5.898.100.104.218
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội	(3)	VND	9 - 9,8	2020	459.497.000.000	599.497.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh	(4)	VND	9 - 9,5	2020 - 2026	1.077.950.000.000	1.152.550.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Quảng Ninh	(5)	VND	8,8 - 9,2	2024	156.375.860.040	125.575.924.836
					11.252.203.857.578	13.022.344.885.134
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(1.965.751.454.778)	(1.910.793.760.013)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					9.286.452.402.800	11.111.551.125.121

- (1) Khoản vay ngoại tệ nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 06010 ngày 1 tháng 4 năm 2006 với tổng giá trị khoản vay là 407.425.534 USD (gồm 384.545.100 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc). Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1. Thời gian vay là 166 tháng, thời gian ân hạn 46 tháng. Khoản vay với lãi suất 5,115%/ năm, phí cam kết khoản vay 0,2%/ năm, phí cho vay lại 0,2%/ năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc, lãi vay, phí cam kết, phí cho vay lại được trả vào các ngày 21 tháng 1 và 21 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1.
- (2) Khoản vay ngoại tệ nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLASH 2007003 ngày 4 tháng 4 năm 2007 với tổng giá trị khoản vay là 355.793.000 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Khoản vay với lãi suất 5,2532%/ năm, phí cam kết khoản vay 0,2%/ năm, phí cho vay lại 0,2%/ năm trên dư nợ gốc vay. Thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng bắt đầu từ năm 2013, ngày thanh toán nợ gốc, lãi vay, phí cam kết, phí cho vay lại là ngày 21 tháng 4 và 21 tháng 10 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (3) Khoản vay theo hai Hợp đồng tín dụng ngày 7 tháng 5 năm 2007 và ngày 5 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội với hạn mức tín dụng lần lượt là 1.000 tỷ VND và 190 tỷ VND được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng thêm 3%/ năm. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý. Thời hạn trả nợ là 13 năm đối với khoản vay có hạn mức tín dụng 1.000 tỷ VND và 5 năm với khoản vay có hạn mức tín dụng 190 tỷ VND kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, văn phòng, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện, các tổ máy và các tài sản khác thuộc dự án cùng toàn bộ quyền, quyền lợi, lợi ích, quyền tài sản, quyền hợp đồng phát sinh từ tài sản, toàn bộ số dư có trên tài khoản dự án và các tài khoản của bên vay mở tại ngân hàng, toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích của bên vay theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, lợi ích từ các yêu cầu bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm và tài sản khác có thể nhận được theo hợp đồng bảo hiểm.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 01/2013/DA/NTQN-NDQN ký ngày 15 tháng 5 năm 2013, Hợp đồng tín dụng 02/2013/DA/NTQN-NDQN ký ngày 3 tháng 5 năm 2013, Hợp đồng tín dụng 01/2014/DA/NTQN-NDQN ký ngày 30 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh. Hạn mức tín dụng của các hợp đồng lần lượt là 391 tỷ VND, 40 tỷ VND và 901 tỷ VND được sử dụng để thanh toán các chi phí dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1 và Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/ lần. Thời hạn vay là 84 – 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 22 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 190 tỷ VND được sử dụng để thanh toán các chi phí dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/ lần. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần giá trị các hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2 của Công ty.

12. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.500.000.000.000	230.890.628.441	-	12.696.830.922	(529.305.240.886)	4.214.282.218.477
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	-	(1.320.840.277.401)	(1.320.840.277.401)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	-	(515.758.518.279)	-	-	(515.758.518.279)
Số dư tại ngày 1/1/2016	4.500.000.000.000	230.890.628.441	(515.758.518.279)	12.696.830.922	(1.850.145.518.287)	2.377.683.422.797
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	366.619.827.049	366.619.827.049
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (*)	-	-	129.058.518.279	-	-	129.058.518.279
Số dư tại ngày 31/12/2016	4.500.000.000.000	230.890.628.441	(386.700.000.000)	12.696.830.922	(1.483.525.691.238)	2.873.361.768.125

(*) Đây là khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo cơ sở được trình bày trong Thuyết minh số 3(a)(ii).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	450.000.000	4.500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	450.000.000	4.500.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	450.000.000	4.500.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cam kết thuê đất theo các hợp đồng thuê đất không được hủy ngang sau:

Hợp đồng số Nghĩa vụ tài chính quy định trong hợp đồng

- 54 Ngày 13/4/2015, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 54 với Ủy ban Nhân dân (“UBND”) Tỉnh Quảng Ninh về khu đất với diện tích 2.701.539,4 mét vuông (m²) trong thời gian 40 năm kể từ ngày 15/3/2007. Theo đó, nghĩa vụ tài chính từ ngày 24/9/2013 đến ngày 23/9/2018 được quy định như sau:
- Mức giá thuê đất đối với diện tích 1.614.796,1 m² của Khu bãi xử thải là 2.887,5 VND/m²/năm;
 - Mức giá thuê đất đối với diện tích 437.452,2 m² của Khu hệ thống kênh dẫn nước làm mát là 3.273,4 VND/m²/năm;
 - Mức giá thuê đất đối với diện tích 602.474,2 m² của Khu xây dựng nhà máy chính là 8.250 VND/m²/năm; và
 - Mức giá thuê đất đối với diện tích 46.816,9 m² của Khu tuyến mương cắt nước ngoài hàng rào nhà máy chính là 5.265 VND/m²/năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hợp đồng số Nghĩa vụ tài chính quy định trong hợp đồng

- 230 Ngày 27/11/2015, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 230 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 1.448,22 m² trong thời hạn 50 năm, hết hạn ngày 21/7/2059, với nghĩa vụ tài chính như sau:
- Đối với diện tích 52,61 m² tại Xã Hòa Bình, Huyện Hoành Bồ: Đơn giá thuê đất là 240 VND/m²/năm, từ ngày 1/7/2014 đến ngày 1/7/2019;
 - Đối với diện tích 905.28 m² làm trạm biến áp và trạm bơm tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 1.360 VND/m²/năm, từ ngày 1/7/2014 đến ngày 1/7/2019; và
 - Đối với diện tích 490,33 m² xây dựng móng cột tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 720 VND/m²/năm, từ ngày 1/7/2014 đến ngày 1/7/2019.
- 241 Ngày 24/5/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 241 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 88.332,6 m² trong thời hạn 31 năm, hết hạn ngày 15/3/2047 với nghĩa vụ tài chính từ ngày 17/2/2016 đến ngày 17/2/2021 như sau:
- Đối với diện tích 34.655,8 m² tại Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long: Đơn giá thuê đất là 760 VND/m²/năm;
 - Đối với diện tích 6.156 m² tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 1.040 VND/m²/năm;
 - Đối với diện tích 17.662,3 m² tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 120 VND/m²/năm; và
 - Đối với diện tích 29.858,5 m² tại Xã Hòa Bình, Huyện Hoành Bồ: Đơn giá thuê đất là 320 VND/m²/năm.
- 242 Ngày 24/5/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 242 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 6.960,4 m² trong thời hạn 31 năm, hết hạn ngày 15/3/2047, với nghĩa vụ tài chính từ ngày 2/2/2016 đến ngày 2/2/2021 như sau:
- Đối với diện tích 3.531,3 m² tại Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long: Đơn giá thuê là 760 VND/m²/năm; và
 - Đối với diện tích 3.429,1 m² tại Xã Thống Nhất, Huyện Hoành Bồ, Thành phố Hạ Long: đơn giá thuê đất là 280 VND/m²/năm.
- 374 Ngày 13/7/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 374 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 2.383,7 m² trong thời hạn 31 năm, thời hạn cho thuê đến hết ngày 15/3/2047. Đơn giá thuê đất là 760 VND/m²/năm, trong 5 năm từ ngày 19/4/2016 đến ngày 19/4/2021.
- 640 Ngày 1/11/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 640 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 58.842,5 m² trong thời hạn 31 năm, đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2047. Đơn giá thuê đất là 950 VND/m²/năm từ ngày 9/3/2016 đến ngày 8/3/2021.
- 641 Ngày 1/11/2016, Công ty ký hợp đồng số 641 với UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc thuê 164.103,8 m² đất tại Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long trong thời hạn 31 năm, hết hạn ngày 15/3/2047. Đơn giá thuê đất là 950 VND/m²/năm, từ ngày 2/2/2016 đến ngày 1/2/2021.

Hết thời hạn ổn định giá trong từng hợp đồng nêu trên, giá thuê đất được điều chỉnh lại theo quy định hiện hành.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt chủ trương đầu tư bởi Hội đồng Quản trị và được Tổng cục Năng lượng duyệt thiết kế kỹ thuật nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt chủ trương đầu tư bởi Hội đồng Quản trị nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.737.422.107.529	-

15. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán điện	8.730.481.692.938	7.700.652.264.007
Doanh thu bán hàng	7.532.072.018	2.522.516.236
	8.738.013.764.956	7.703.174.780.243

16. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn bán điện	7.283.598.785.506	6.659.444.762.314
Giá vốn hàng đã bán	2.992.268.381	661.925.818
	7.286.591.053.887	6.660.106.688.132

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	2.276.042.777	2.086.458.990
Cổ tức được chia	750.000.000	750.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.411.265.258	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	99.796.703.221
	15.437.308.035	102.633.162.211

18. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	774.943.815.601	894.261.132.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	128.825.319.327	1.290.573.978.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	110.697.966.905	185.196.953.267
	1.014.467.101.833	2.370.032.064.573

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	41.236.923.296	30.873.405.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.393.014.323	2.030.620.212
Chi phí khác	24.319.051.566	68.447.226.034
	67.948.989.185	101.351.251.976

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	5.012.414.486.470	4.404.017.571.457
Chi phí nhân công	197.835.184.560	146.768.599.154
Chi phí khấu hao	1.939.572.227.572	1.950.837.619.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.570.303.613	121.111.623.391
Chi phí khác	118.155.572.476	138.060.601.235
	7.351.547.774.691	6.760.796.014.290

21. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán/(lỗ) trước thuế	366.619.827.049	(1.320.840.277.401)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.661.982.705	(132.084.027.740)
Lỗ tính thuế sử dụng	(36.661.982.705)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	132.084.027.740
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (năm 2010) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2011 – 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 – 2023). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20% cho năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	1.482.576.952.069	148.257.695.207	1.849.196.779.118	184.919.677.912

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2018	Đã quyết toán bởi Cục thuế Tỉnh Quảng Ninh	528.356.501.717
2020	Chưa quyết toán	954.220.450.352
		1.482.576.952.069

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục đó.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm kết thúc cùng ngày, chi tiết như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	366.619.827.049	(1.320.840.277.401)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	450.000.000	450.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	815	(2.935)

- (*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty không bao gồm số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi vì quỹ này chưa được trích lập trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Lãi vay	609.707.258.574	701.555.844.468
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.884.749.218	67.537.206.580
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Mua bán Điện</i>		
Doanh thu bán điện	8.730.481.692.938	7.700.652.264.007
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.385.588.419	26.963.563.591
<i>Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.641.679.820	4.027.134.137
<i>Công ty Truyền tải Điện 1</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.613.892.829	2.173.912.223
<i>Ban quản lý Dự án Công trình Điện Miền Bắc</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	482.254.417	4.141.950.288
<i>Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	965.852.248	-
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thù lao	1.660.188.244	1.142.280.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thu nhập khác	1.685.204.027	1.329.435.731

10 -03- 2017

Người lập:



Trần Thị Thúy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
Trưởng phòng TCKT



Lê Duy Hạnh
Tổng Giám đốc